

Số: /2025/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ**Quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước
về thể dục thể thao đối với hội thể thao quốc gia**

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH13;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thể dục thể thao Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục thể thao đối với hội thể thao quốc gia.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục thể thao đối với hội thể thao quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cục Thể dục thể thao Việt Nam.

2. Các hội thể thao quốc gia gồm:

a) Ủy ban Olympic Việt Nam;

b) Ủy ban Paralympic Việt Nam;

c) Các liên đoàn, hội, hiệp hội thể thao quốc gia về một môn thể thao hoặc một số môn thể thao (sau đây gọi tắt là liên đoàn thể thao quốc gia).

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của hội thể thao quốc gia.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Tuân thủ pháp luật về thể dục thể thao, pháp luật về hội, pháp luật có liên quan và theo phân cấp quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, vai trò quản lý nhà nước của Cục Thể

dục thể thao Việt Nam và chức năng nghề nghiệp, chuyên môn của hội thể thao quốc gia.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch; tôn trọng vai trò, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hội thể thao quốc gia.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển thể dục thể thao

1. Cục Thể dục thể thao Việt Nam tổ chức lấy ý kiến các hội thể thao quốc gia khi xây dựng chiến lược, quy hoạch và các chính sách phát triển thể dục thể thao. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, hội thể thao quốc gia có trách nhiệm trả lời, trừ trường hợp có yêu cầu khác.

2. Cục Thể dục thể thao Việt Nam thông báo bằng văn bản về chiến lược, quy hoạch phát triển thể dục thể thao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phương hướng, kế hoạch công tác hàng năm đến hội thể thao quốc gia trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ban hành để phối hợp tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ chiến lược, quy hoạch phát triển thể dục thể thao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phương hướng, kế hoạch công tác hàng năm của Cục Thể dục thể thao Việt Nam và kế hoạch của tổ chức thể thao quốc tế mà hội thể thao quốc gia là thành viên, hội thể thao quốc gia có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động của cả nhiệm kỳ và chương trình công tác hàng năm, gửi Cục Thể dục thể thao Việt Nam trước ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề để tổng hợp, theo dõi và phối hợp thực hiện.

Điều 5. Quản lý tổ chức đại hội, giải thể thao

1. Đăng cai tổ chức đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam

a) Ủy ban Olympic Việt Nam căn cứ kế hoạch tổ chức đại hội của các tổ chức thể thao quốc tế tương ứng, cung cấp thông tin kế hoạch tổ chức đại hội tới Cục Thể dục thể thao Việt Nam để tổng hợp, tham mưu báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Tổ chức đề nghị đăng cai đại hội thực hiện trình tự, thủ tục đăng cai đại hội theo quy định tại Điều 40 Luật Thể dục, thể thao.

2. Đăng cai tổ chức đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam cho người khuyết tật

Ủy ban Paralympic Việt Nam căn cứ kế hoạch tổ chức đại hội của các tổ chức thể thao người khuyết tật quốc tế tương ứng, cung cấp thông tin kế hoạch tổ chức đại hội tới Cục Thể dục thể thao Việt Nam để tổng hợp, tham mưu báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục, thế giới tổ chức tại Việt Nam

a) Liên đoàn thể thao quốc gia đề xuất đăng cai giải chậm nhất ngày 01 tháng 7 của năm trước năm đề nghị đăng cai để Cục Thể dục thể thao Việt Nam tổng hợp và phối hợp triển khai theo thẩm quyền;

b) Liên đoàn thể thao quốc gia thực hiện trình tự, thủ tục đăng cai giải theo quy định tại Điều 40 Luật Thể dục, thể thao.

4. Đăng cai, tổ chức giải thi đấu từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục, thế giới tổ chức tại Việt Nam cho người khuyết tật

a) Ủy ban Paralympic Việt Nam cung cấp thông tin về kế hoạch đăng cai giải chậm nhất ngày 01 tháng 7 của năm trước năm đề nghị đăng cai để Cục Thể dục thể thao Việt Nam tổng hợp;

b) Ủy ban Paralympic Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục đăng cai giải theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Tổ chức giải thể thao quốc gia

a) Xây dựng và ban hành lịch thi đấu quốc gia hàng năm: Chậm nhất tháng 7 hàng năm, liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam đề xuất các giải thể thao bảo đảm phù hợp với hệ thống thi đấu khu vực, châu lục và thế giới. Cục Thể dục thể thao Việt Nam tổng hợp và thông báo lịch thi đấu trong hệ thống thi đấu quốc gia của năm kế tiếp trước ngày 31 tháng 10 hàng năm để liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam phối hợp triển khai thực hiện. Trường hợp không thống nhất với đề xuất của liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam, Cục Thể dục thể thao Việt Nam phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do;

b) Ban hành điều lệ giải thể thao: Điều lệ giải thể thao quốc gia do liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam ban hành phải bảo đảm tuân thủ luật thi đấu, phù hợp với kế hoạch phát triển môn thể thao và gửi đến cơ quan, đơn vị liên quan chậm nhất 60 ngày trước ngày tổ chức giải;

c) Quyết định tổ chức giải thể thao: Cục Thể dục thể thao Việt Nam quyết định tổ chức giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm của từng môn thể thao và giải thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia;

d) Tổ chức đề nghị đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm của từng môn thể thao thực hiện trình tự, thủ tục đăng cai giải theo quy định tại Điều 40 Luật Thể dục, thể thao; giải thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Thành lập ban tổ chức, ban trọng tài: Cục Thể dục thể thao Việt Nam lấy ý kiến của liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam trước khi quyết định thành lập ban tổ chức, ban trọng tài giải thi đấu thể thao đối với các giải thể thao quốc gia có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước; liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam quyết định thành lập hoặc đề xuất Cục Thể dục thể thao Việt Nam thành lập ban tổ chức, ban trọng tài và chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức đối với giải thể thao quốc gia không sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước;

e) Cục Thể dục thể thao Việt Nam kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện luật thi đấu của môn thể thao, điều lệ giải thể thao do liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam ban hành. Trường hợp phát hiện có vi phạm, Cục Thể dục thể thao Việt Nam có ý kiến bằng văn bản đề liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung bảo đảm đúng quy định.

Điều 6. Thành lập, quản lý đoàn thể thao, đội thể thao quốc gia

1. Thẩm quyền quyết định thành lập

a) Cục Thể dục thể thao Việt Nam quyết định thành lập đoàn thể thao quốc gia để tham dự các đại hội thể thao quốc tế; đội thể thao quốc gia để tập huấn, tham dự các giải thể thao khu vực, châu lục và thế giới;

b) Liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam quyết định thành lập đội thể thao để tập huấn, tham gia thi đấu quốc tế không thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bằng nguồn kinh phí của mình hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên

a) Cục Thể dục thể thao Việt Nam xây dựng và ban hành tiêu chuẩn khung tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên vào đội thể thao quốc gia;

b) Liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam xây dựng và ban hành tiêu chuẩn cụ thể trên cơ sở tiêu chuẩn khung do Cục Thể dục thể thao Việt Nam ban hành để tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên vào đội thể thao quốc gia của môn thể thao do mình quản lý đồng thời gửi tới Cục Thể dục thể thao Việt Nam. Trường hợp tiêu chuẩn không phù hợp với tiêu chuẩn khung, Cục Thể dục thể thao Việt Nam có ý kiến bằng văn bản đề Liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam thực hiện điều chỉnh, bổ sung bảo đảm đúng quy định.

3. Trình tự, thủ tục thành lập, quản lý đoàn thể thao quốc gia

a) Căn cứ điều lệ, chương trình đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới, Cục Thể dục thể thao Việt Nam chủ trì, phối hợp với hội thể thao quốc gia, cơ quan, đơn vị liên quan tuyển chọn, quyết định thành viên đoàn thể thao quốc gia tham dự đại hội thể thao, đại hội thể thao cho người khuyết tật khu vực, châu lục và thế giới;

b) Ủy ban Olympic Việt Nam, Ủy ban Paralympic Việt Nam đăng ký cho các thành viên của đoàn thể thao quốc gia tham dự đại hội thể thao, đại hội thể thao cho người khuyết tật khu vực, châu lục và thế giới; quản lý đoàn thể thao quốc gia khi tham gia thi đấu quốc tế.

4. Trình tự, thủ tục thành lập, quản lý đội thể thao quốc gia:

a) Trình tự, thủ tục thành lập đội thể thao quốc gia theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thi đấu cho đội thể thao quốc gia tham gia thi đấu quốc tế theo quyết định của Cục Thể dục thể thao Việt Nam;

c) Cục Thể dục thể thao Việt Nam và liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đào tạo, tập huấn đội thể thao quốc gia bảo đảm theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 7. Quản lý vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao

1. Lập, quản lý hồ sơ và xác nhận tư cách vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao:

a) Cục Thể dục thể thao Việt Nam phối hợp với Ủy ban Olympic Việt Nam, Ủy ban Paralympic Việt Nam lập, quản lý hồ sơ vận động viên, huấn luyện viên đoàn thể thao quốc gia;

b) Cục Thể dục thể thao Việt Nam lập, quản lý hồ sơ vận động viên, huấn luyện viên các đội thể thao quốc gia do Cục quyết định thành lập;

c) Liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam lập, quản lý hồ sơ và xác nhận tư cách vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài của môn thể thao theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của tổ chức thể thao quốc tế tương ứng;

d) Cục Thể dục thể thao Việt Nam chủ trì xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao. Hội thể thao quốc gia phối hợp với Cục Thể dục thể thao Việt Nam thường xuyên cập nhật dữ liệu thông tin và khai thác sử dụng hiệu quả nguồn dữ liệu này.

2. Đào tạo, tập huấn vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao:

Cục Thể dục thể thao Việt Nam hướng dẫn, phối hợp với liên đoàn thể thao quốc gia, Ủy ban Paralympic Việt Nam xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo, tập huấn vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao phù hợp với định hướng phát triển chuyên môn và yêu cầu của các tổ chức quốc tế tương ứng; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong quy trình đào tạo, huấn luyện vận động viên.

3. Công nhận đẳng cấp vận động viên, trọng tài thể thao

Căn cứ kết quả thi đấu của vận động viên và trình độ chuyên môn của trọng tài, liên đoàn thể thao quốc gia thực hiện công nhận đẳng cấp cho vận động viên, trọng tài của môn thể thao theo tiêu chuẩn phong đẳng cấp do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành; công nhận phong đẳng cấp của tổ chức thể thao quốc tế đối với vận động viên, trọng tài Việt Nam.

Điều 8. Quản lý hoạt động thể thao chuyên nghiệp

1. Căn cứ yêu cầu về phát triển môn thể thao chuyên nghiệp, liên đoàn thể thao quốc gia xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển thể thao chuyên nghiệp của môn thể thao phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của tổ chức thể thao quốc tế tương ứng gửi Cục Thể dục thể thao Việt Nam xem xét, phê duyệt theo trình tự, thủ tục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Liên đoàn thể thao quốc gia xây dựng và quản lý hệ thống thi đấu thể thao chuyên nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và của tổ chức thể thao quốc tế tương ứng; thông báo hệ thống thi đấu thể thao chuyên nghiệp tới Cục Thể dục thể thao Việt Nam và hội viên sau khi ban hành.

3. Liên đoàn thể thao quốc gia xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo huấn luyện viên, trọng tài thể thao chuyên nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý phù hợp với quy định của liên đoàn thể thao quốc tế; cử huấn luyện viên, trọng tài thể thao chuyên nghiệp đi đào tạo ở nước ngoài hoặc phối hợp với liên đoàn thể thao quốc tế mà liên đoàn là thành viên tổ chức đào tạo huấn luyện viên, trọng tài thể thao chuyên nghiệp tại Việt Nam.

4. Liên đoàn thể thao quốc gia ban hành quy trình và thực hiện kiểm tra, công nhận, không công nhận tư cách huấn luyện viên, vận động viên thể thao chuyên nghiệp và thống nhất quản lý huấn luyện viên, vận động viên thể thao chuyên nghiệp của môn thể thao do hội quản lý.

Điều 9. Công nhận cơ sở vật chất, trang thiết bị đủ tiêu chuẩn tổ chức giải thể thao thành tích cao

Liên đoàn thể thao quốc gia ban hành quy trình công nhận cơ sở vật chất, trang thiết bị đủ tiêu chuẩn tổ chức giải thể thao thành tích cao theo quy định tại khoản 12 Điều 71 Luật Thể dục, thể thao và công bố công khai kết quả công nhận trên website của liên đoàn thể thao quốc gia, thông báo đến các đơn vị được công nhận.

Điều 10. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao

Trên cơ sở xác định nhiệm vụ phù hợp với khả năng của hội thể thao quốc gia, chậm nhất trước ngày 01 tháng 6 hàng năm hội thể thao quốc gia đề xuất các hoạt động gắn với nhiệm vụ chuyên môn được nhà nước giao gửi Cục Thể dục thể thao Việt Nam để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 hàng năm. Trường hợp không đồng ý với đề xuất của hội thể thao quốc gia, trong thời hạn 07 ngày, Cục Thể dục thể thao Việt Nam phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Quản lý, phối hợp hoạt động hợp tác quốc tế

1. Trách nhiệm của Cục Thể dục thể thao Việt Nam

a) Thông báo cho hội thể thao quốc gia các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thể dục thể thao đã được Nhà nước ký kết với các quốc gia và các tổ chức quốc tế;

b) Hướng dẫn, tạo điều kiện để hội thể thao quốc gia tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về thể dục thể thao;

c) Có ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền quyết định việc hội thể thao quốc gia gia nhập tổ chức thể thao quốc tế;

d) Quyết định cử người thuộc thẩm quyền quản lý của Cục Thể dục thể thao Việt Nam là thành viên của hội thể thao quốc gia tham gia ứng cử ở các tổ chức thể thao quốc tế theo đề nghị của hội thể thao quốc gia.

2. Trách nhiệm của hội thể thao quốc gia

a) Thông báo cho Cục Thể dục thể thao Việt Nam kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm của hội thể thao quốc gia; nội dung các thỏa thuận hợp tác về chuyên môn thể thao của hội với các tổ chức thể thao quốc tế; kế hoạch tổ chức các đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới; dự kiến kế hoạch tham dự các giải thể thao quốc tế của các đội thể thao quốc gia, kế hoạch đăng cai các giải thể thao quốc tế,

các hội nghị, lớp tập huấn thể thao quốc tế tại Việt Nam; việc gia nhập làm thành viên các tổ chức thể thao quốc tế tương ứng và người của hội thể thao quốc gia được trúng cử vào ban lãnh đạo hoặc ban chuyên môn của các tổ chức thể thao quốc tế và các hoạt động hợp tác quốc tế khác;

b) Thực hiện các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với các vấn đề quan trọng trong hợp tác quốc tế của hội thể thao quốc gia với các tổ chức thể thao quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 5; điểm b khoản 2 Điều 6; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 8; Điều 9; Điều 10 Thông tư này, hội thể thao quốc gia có trách nhiệm báo cáo Cục Thể dục thể thao Việt Nam để theo dõi.

2. Chậm nhất trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, hội thể thao quốc gia có trách nhiệm báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội về Cục Thể dục thể thao Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Kiểm tra hoạt động của hội thể thao quốc gia

1. Định kỳ hàng năm, Cục Thể dục thể thao Việt Nam xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra hoạt động chuyên môn của các hội thể thao quốc gia. Trình tự, thủ tục kiểm tra theo quy định của pháp luật.

2. Hội thể thao quốc gia có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Điều 14. Khen thưởng

1. Căn cứ kết quả, thành tích hàng năm, hội thể thao quốc gia thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền cho các tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động của hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của hội vào dịp đại hội nhiệm kỳ hoặc kỷ niệm thành lập hội.

2. Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn hội thể thao quốc gia về trình tự, thủ tục đề nghị khen thưởng; tiếp nhận, xem xét và tổng hợp hồ sơ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội thể thao quốc gia, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của hội theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 15. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

1. Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm giải quyết hoặc tham mưu Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về thể dục thể thao đối với hội thể thao quốc gia theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Trường hợp hội thể thao quốc gia vi phạm quy định tại Thông tư này, Cục Thể dục thể thao Việt Nam xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.
2. Thông tư số 01/2021/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục thể thao đối với hội thể thao quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.
3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế mới được ban hành.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của hội thể thao quốc gia quy định tại Thông tư này.
2. Cục Thể dục thể thao Việt Nam, hội thể thao quốc gia, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL, Sở VHTT;
- Các hội thể thao quốc gia;
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ; CSDL quốc gia về pháp luật;
- Công TTĐT của Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, TDĐTVN. VH. 300.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng